

TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8 /2021

V/v: *Ly hôn*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàn và ông Trịnh Văn D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: “ *Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX - ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn K Đ, xã NK, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn K Đ, xã NK, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn*” đề ngày 22/02/2021, tại bản tự khai ngày 10/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng kết hôn tại UBND xã Vĩnh Ninh(nay là xã NK), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/1992. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không phù hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng

thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1995. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông D và bà T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng kết hôn tại UBND xã Vĩnh Ninh(nay là xã NK), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/1992. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ do ông D tự mua sắm đồ dùng trong gia đình nhưng không bàn bạc với bà T dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nên ông D xác định đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ giữa ông với bà T. Nay bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông D xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1995. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông D có hộ khẩu thường trú tại thôn Khang Đình, xã NK, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: “ Ly hôn” và Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng kết hôn tại UBND xã Vĩnh Ninh(nay là xã NK), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/11/1992, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa Tân hạnh phúc một thời gian dài thì phát sinh mâu Tẩn. Nguyên nhân mâu Tẩn vợ chồng là do tính tình không phù hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông D.

Ông D cho rằng vẫn còn tình cảm, yêu thương bà T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên bản thân ông D cho đến nay cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T không được cải thiện.

Xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xử cho bà T được ly hôn ông D là phù hợp với quy định tại điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tiền số AA/2018/0004813 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.(bà T đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã NK ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Tuyết